*Ngày soạn:……………..*

*Ngày dạy:………………*

**BÀI 1. VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỌT VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS viết được văn bản nghị luận xã hội về một hiện tượng trong cuộc sống hoặc một vấn đề đặt ra từ tác phẩm.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

***1. Chuẩn bị của giáo viên:***

- Giáo án, SGK, SBT văn 10.

- Máy chiếu, máy tính

- Phiếu bài tập

***2. Chuẩn bị của học sinh:*** SGK, SBT Ngữ văn 10, vở soạn, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV: *Có các dạng nghị luận xã hội nào?*

- HS suy nghĩ và trả lời.

- Các dạng nghị luận về một vấn đề xã hội:

+ Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

+ Nghị luận về một hiện tượng đời sống

+ Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong tác phẩm văn học.

- GV dẫn dắt vào bài.

**B. HOẠT DỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn kể lại một trải nghiệm**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn kể lại trải nghiệm.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS:  *- HS theo dõi SGK tìm hiểu và năm được nội dung chính mục định hướng.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức.  **Nhiệm vụ 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi (5 phút), ghi kết quả vào phiếu bài tập.  *- Đoạn trích nêu lên hiện tượng gì của đời sống?*  *- Nhận biết luận điểm và cách triển khai luận điểm.*  *- Nhận biết các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ trong văn bản.*  *- Quan điểm và thái độ của người viết về vấn đề nêu lên là gì?*  *- Từ việc phân tích ví dụ, em hãy rút ra những lưu ý khi viết bài văn nghị luận xã hội?*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức. | **I. Kiến thức chung**  ***1. Định hướng***  - Vấn đề xã hội đưa ra bàn luận có thể là hiện tượng tích cực, cũng có thể là hiện tượng tiêu cực hoặc có cả hai.  - Như thế đòi hỏi người viết cần thể hiện được quan điểm của mình, từ đó phân tích, biểu dương cái tốt, cái đẹp và lên án, phê phán cái sai, vạch trần cái xấu, cái ác,..., nêu lên hướng khắc phục, giúp người đọc hiểu và làm theo cái đúng, có nhận thức và hành động tích cực,...  ***2. Tìm hiểu bài mẫu: Khi ta thay đổi thế giới sẽ đổi thay***  - Đoạn trích nêu lên hiện tượng: Đổ lỗi, nói dối, không có trách nhiệm với hành động của mình.  - Luận điểm và cách triển khai luận điểm:  + Đổ lỗi là cách hành xử mà nhiều người mắc phải.  + Cần thay đổi, tự chịu trách nhiệm cho hành động của mình.  - Các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bác bỏ trong văn bản:  + Giải thích: thế nào là đổ lỗi  + Phân tích: Cách hành xử không đúng  + Chứng minh: Câu chuyện của bản thân tác giả  + Bác bỏ: Những lí do khiến người ta đổ lỗi cho người khác.  - Quan điểm và thái độ của người viết về vấn đề nêu lên: Phê phán, không ủng hộ việc đổ lỗi, quy tội cho người khác, không chịu trách nhiệm cho hành động của mình.  ***3. Yêu cầu:***  - Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội các em cần chú ý:  - Tìm hiểu đề (đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề bài, xác định các thao tác lập luận, xác định phạm vi dẫn chứng của bài viết); xem lại các tác phẩm đã học liên quan đến vấn đề xã hội đặt ra của đề bài, ...  - Xác định các luận điểm, luận cứ trong bài viết, lựa chọn các dẫn chứng tiêu biểu cho mỗi luận cứ.  - Triển khai bài viết đảm bảo sáng rõ ý kiến và hệ thống luận điểm; cấu trúc chặt chẽ; sử dụng các bằng chứng thuyết phục - chính xác, tin cậy, thích hợp, đầy đủ.  - Liên hệ, mở rộng, so sánh với thực tiễn đời sống và suy nghĩ của bản thân. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS hoàn thiện phiếu bài tập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung. | **II. Thực hành viết theo các bước**  ***Đề 1: Suy nghĩ về những tấm gương vượt qua số phận của chính mình.***  **a. Chuẩn bị (ví dụ với đề 1)**  Đọc kĩ đề bài, xác định yêu cầu của đề:  - Về nội dung: nêu lên suy nghĩ về hiện tượng những con người vượt qua số phận cần ca ngợi, biểu dương.  - Về thao tác nghị luận: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận.  - Về phạm vi dẫn chứng: có thể lấy bằng chứng từ những con người và sự việc trong đời sống, từ các tác phẩm văn học hay những tấm gương từ sách, báo và phương tiện thông tin đại chúng, ...  **b. Tìm ý và lập dàn ý**  - Tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Thế nào là vượt qua số phận của chính mình?*  → “Số phận” là những điều đã được an bài từ trước theo quy luật của thiên mệnh hay là cách chúng ta thường nói về những khó khăn trở ngại trong cuộc đời? Nếu hiểu “số phận” gắn với những lời thở than, trách móc thì cụm từ này thiên nhiều về hàm ý nói về những rào cản, những “ranh giới” trong cuộc sống. “Những người không chịu thua số phận” là những người có bản lĩnh và nghị lực để vượt qua những ranh giới ấy.  *+ Để vượt qua được số phận cần đến những phẩm chất gì?*  → Dũng cảm, kiên trì, bền bỉ, có lòng quyết tâm và ý chí sắt đá.  *+ Tại sao những phẩm chất ấy lại có thể tạo nên sức mạnh, giúp con người vượt qua được số phận của chính mình?*  → Những phẩm chất ấy có thể tạo nên sức mạnh, chúng hợp lại tạo nên cho chúng ta một tinh thần tốt, suy nghĩ thông suốt, không dễ bị khuất phục bởi những khó khăn thường xuyên xảy đến, giúp con người có đủ sức bền để có thể vượt lên, đạt tới đích đến cuối cùng.  *+ Những tấm gương vượt qua số phận được thể hiện cụ thể như thế nào?*  → Những tấm gương vượt qua số phận: Nguyễn Sơn Lâm – chinh phục Phan xi păng bằng nạng gỗ; Cô gái “xương thủy tinh” Nguyễn Phương Anh; Nick Vujicic; Stephen Hawking – "ông hoàng vật lý", nhà bác học huyền thoại, tác giả cuốn sách nổi tiếng "Lược sử thời gian"; …  *+ Có thể rút ra bài học gì từ những tấm gương vượt qua số phận ấy?*  → Rút ra bài học: Trong hoàn cảnh đầy đủ tiện nghi sung túc, được sống trong sự yêu thương, quan tâm của cha mẹ, xã hội thì không ít học sinh, thanh niên tự đánh mất mình, lao vào tệ nạn xã hội, lối sống vô nghĩa ăn chơi, hưởng thụ, không biết cố gắng phấn đấu, để trở thành người có ích cho xã hội, đất nước.  - Trách nhiệm của chúng ta: Giúp đỡ, yêu thương, tương trợ lẫn nhau  - Lập dàn ý bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý tìm được thành ba phần theo gợi ý sau đây:   |  |  | | --- | --- | | Mở bài | Dẫn dắt và giới thiệu vấn đề cần bàn luận (vẻ đẹp của những con người vượt qua số phận của chính mình). | | Thân bài | Lần lượt triển khai vấn đề nêu ở mở bài theo một trình tự nhất định. Tham khảo gợi ý sau đây:  + Giới thiệu khái quát một số tấm gương vượt qua số phận tiêu biểu; từ đó, rút ra vẻ đẹp chung: họ đều vượt qua khó khăn, thử thách của cuộc sống bằng sức mạnh của ý chí, nghị lực con người.  + Giải thích khái niệm ý chí, nghị lực và sức mạnh của phẩm chất tinh thần:  • Ý chí, nghị lực là phẩm chất tinh thần của một con người, một cộng đồng, dân tộc, thể hiện quyết tâm rất cao, không lùi bước trước khó khăn, gian khổ nhằm đạt bằng được mục đích đã đề ra.  • Nêu lên những biểu hiện cụ thể của ý chí, nghị lực: Ý chí của con người được thể hiện qua suy nghĩ, tình cảm và đặc biệt qua các hành động, việc làm.  • Lí giải vì sao ý chí, nghị lực có thể trở thành sức mạnh giúp con người vượt qua những khó khăn, thử thách tưởng như không thể vượt qua.  + Chứng minh: Nêu lên và phân tích các ví dụ trong cuộc sống và trong văn học về những con người đã vượt qua số phận, đã chiến thắng nhờ có ý chí mạnh mẽ ở nhiều lĩnh vực của cuộc sống xưa và nay (trong lịch sử dụng nước, giữ nước trong cuộc sống lao động, chiến đấu; trong hoạt động văn hoá, thể thao; trong nghiên cứu, học tập,... Cũng có thể lấy ví dụ về những nhân vật trong các tác phẩm văn học để phân tích và làm sáng tỏ sức mạnh của ý chí, nghị lực trong cuộc sống).  + Bình luận:  • Đề cao vai trò của ý chí, nghị lực trong cuộc sống và phê phán những biểu hiện thiếu ý chí, nghị lực (nản chí, ngại khó, yếu đuối,...).  + Liên hệ và nêu lên phương hướng rèn luyện bản thân để có sức mạnh ý chí, nghị lực trong cuộc sống. | | Kết bài | Khẳng định và đánh giá khái quát lại vấn đề đã bàn luận: sự cần thiết phải có ý chí, nghị lực trong cuộc sống. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, dám sát dàn ý đã lập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS viết bài  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức | **III. Luyện tập**  - Bài viết của HS |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *GV yêu cầu HS:* HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý.  - Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn kiến thức | **III. Luyện tập**  - Bài viết của HS |

\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

*- Chuẩn bị bài:*